

**KIẾN THỨC, THỰC HÀNH VỀ PHÒNG BỆNH ĐẠI  
CỦA NGƯỜI DÂN CÓ NUÔI CHÓ MÈO  
TẠI QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2023**

*Kinh Thị Mỹ Dung\*, Diệp Thị Hồng Hoa, Phạm Thị Trúc Ly, Trương Thị Ánh Lê,  
Ngô Minh Khôi, Phan Thị Trung Ngọc, Trần Tú Nguyệt*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: 1853040009student@ctump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 24/11/2023*

*Ngày phản biện: 05/01/2024*

*Ngày duyệt đăng: 25/01/2024*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Bệnh dại là một vấn đề y tế đang được cộng đồng quan tâm. Bệnh có diễn tiến nặng và tỷ lệ tử vong gần như 100% khi các triệu chứng lâm sàng xuất hiện, gây ra những thiệt hại lớn về người và vật chất. Trên toàn cầu, gánh nặng kinh tế do bệnh dại lây truyền qua chó ước tính lên tới 8,6 tỷ USD mỗi năm, bên cạnh đó là những tổn thương tâm lý không thể tính toán cho cá nhân và cộng đồng. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng về phòng bệnh dại và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo tại quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ năm 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 436 người dân từ 18 – 60 tuổi có nuôi chó mèo tại quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Tỷ lệ người được phỏng vấn có kiến thức và thực hành chung đúng về phòng bệnh dại lần lượt là 43,6% và 86,7%. Qua phân tích ghi nhận một số yếu tố liên quan đến kiến thức chung đúng gồm nhóm tuổi ( $OR=2,45$ ,  $CI\ 95\% (1,64 - 3,65)$ ,  $p<0,001$ ), trình độ học vấn ( $OR=4,59$ ,  $CI\ 95\% (2,96 - 7,13)$ ,  $p<0,001$ ), nghề nghiệp ( $OR=4,56$ ,  $CI\ 95\% (2,40 - 8,65)$ ,  $p<0,001$ ), các yếu tố liên quan đến thực hành chung đúng gồm nhóm tuổi ( $OR= 2,35$ ,  $CI\ 95\% (1,20 - 4,60)$ ,  $p=0,01$ ), trình độ học vấn ( $OR=4,33$ ,  $CI\ 95\% (1,81 - 10,3)$ ,  $p<0,001$ ), nghề nghiệp ( $OR= 1,9$ ,  $CI\ 95\% (1,28 - 70,05)$ ,  $p=0,009$ ) với  $p<0,05$ . **Kết luận:** Nghiên cứu này cho thấy kiến thức, thực hành đúng về phòng bệnh dại ở người dân có nuôi chó mèo còn thấp và chưa đầy đủ. Cần tăng cường công tác truyền thông giáo dục sức khỏe, các biện pháp phòng chống và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bệnh dại.

**Từ khóa:** Bệnh dại, kiến thức, thực hành, yếu tố liên quan, Cần Thơ.

**ABSTRACT**

**KNOWLEDGE, PRACTICE ON RABIES PREVENTION  
OF PEOPLE WITH DOGS CATS  
IN O MON DISTRICT, CAN THO CITY IN 2023**

*Kinh Thi My Dung\*, Diep Thi Hong Hoa, Pham Thi Truc Ly, Trương Thị Ánh Lê,  
Ngô Minh Khôi, Phan Thị Trung Ngọc, Trần Tú Nguyệt*  
*Can Tho University of Medicine and Pharmacy*

**Background:** Rabies is a medical issue that is of public concern. The disease has a severe course, and the mortality rate is almost 100% when clinical symptoms appear, causing great human and material damage. Rabies is an infectious disease caused by the rabies virus Rhabdovirus, belonging to the family Rhabdoviridae. Globally, the economic burden of dog-mediated rabies is estimated at 8.6 billion USD per year; in addition to uncalculated psychological trauma for individuals and communities. **Objectives:** To determine the rate of knowledge, correct practices about rabies prevention and a number of factors related to rabies prevention knowledge and practices of people with dogs and cats in O Mon district, Can Tho city in 2023. **Materials and**

**methods:** The study cross-sectionally described 436 people aged 18-60 who owned dogs, cats in O Mon district, Can Tho city. **Results:** The percentage of respondents with correct general knowledge and practices about rabies prevention was 43.6% and 86.7% respectively. The analysis noted a number of factors related to correct general knowledge including age group (OR=2.45, CL 95% (1.64-3.65),  $p<0.001$ ), education level (OR=4.59, CI 95% (2.96 - 7.13),  $p<0.001$ ), occupation (OR=4.56, CI 95% (2.40 - 8.65),  $p<0.001$ ), factors related to correct general practice including age group (OR=2.35, CI 95% (1.20 - 4.60),  $p=0.01$ ), education level (OR=4.33, CI 95% (1.81 - 10.3),  $p<0.001$ ), occupation (OR=1.9, CI 95% (1.28 - 70.05),  $p=0.009$ ) with  $p<0.05$ . **Conclusion:** This study shows that knowledge and correct practices on rabies prevention among people with dogs and cats are low and inadequate. Health education communication should be strengthened, prevention measures and public awareness on rabies should be strengthened.

**Keywords:** Rabies, knowledge, practices, related factors, Can Tho city.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Bệnh dại là một vấn đề y tế đang được cộng đồng quan tâm. Bệnh có diễn tiến nặng và tỷ lệ tử vong gần như 100% khi các triệu chứng lâm sàng xuất hiện. Bệnh dại là một bệnh truyền nhiễm do virus dại *Rhabdovirus*, thuộc họ *Rhabdoviridae* gây nên. Bệnh dại gây ra dịch bệnh và có số ca tử vong cao nhất trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Theo báo cáo tổ chức y tế thế giới, bệnh dại ước tính gây ra 59.000 ca tử vong hàng năm ở hơn 150 quốc gia, với hơn 95% trường hợp xảy ra ở Châu Phi và Châu Á [1]. Gánh nặng bệnh tật ở phần lớn do người dân ở nông thôn gánh chịu, với khoảng một nửa trường hợp là do trẻ em dưới 15 tuổi. Trên toàn cầu, gánh nặng kinh tế do bệnh dại lây truyền qua chó ước tính lên tới 8,6 tỷ USD mỗi năm, bên cạnh đó là những tổn thương tâm lý không thể tính toán được cho cá nhân và cộng đồng [1]. Tại Việt Nam, trong năm 2017, cả nước ghi nhận có hơn 74 trường hợp tử vong do bệnh dại. Báo cáo tình hình bệnh dại trong những năm gần đây cho thấy bệnh dại gây tử vong trên người nhiều nhất ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Bắc Trung Bộ (Sơn La, Yên Bái, Lai Châu, Nghệ An, Quảng Nam...) [2]. Từ đầu năm 2022 đến tháng 9 ghi nhận 40 ca tử vong tại 16 tỉnh thành. Tại Đồng bằng sông Cửu Long: tỉnh Bến Tre ghi nhận 12 ca tử vong, Cà Mau ghi nhận 8 ca tử vong [3]. Những ca tử vong do bệnh dại thường do tính chủ quan của người dân như là không đi tiêm vaccin phòng dại sau khi bị chó cắn, điều trị bằng những phương pháp chưa được phê duyệt (sử dụng thuốc nam). Người dân còn thiếu hiểu biết về bệnh dại. Trước tình hình diễn tiến ngày càng phức tạp của bệnh dại xuất hiện tại những khu vực trước giờ không nằm trong vùng trọng điểm của bệnh dại, và thực trạng nhu cầu nuôi động vật nhất là chó mèo của người dân ngày càng tăng, ngày thế giới phòng chống bệnh dại năm nay có chủ đề “Một sức khỏe, Không người tử vong” hướng tới việc loại bỏ tử vong do bệnh dại từ năm 2030 trên phạm vi toàn cầu. Vì vậy, nghiên cứu này “Kiến thức, thực hành về phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo tại quận Ô Môn, thành Phố Cần Thơ năm 2023” được thực hiện với mục tiêu: Xác định tỷ lệ kiến thức, thực hành đúng về phòng bệnh dại và một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo tại quận Ô Môn, Thành phố Cần Thơ năm 2023.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

**- Tiêu chuẩn chọn vào:**

+ Người dân từ 18 – 60 tuổi có nuôi chó mèo. Cư trú tại địa bàn nghiên cứu ít nhất 6 tháng vào thời điểm khảo sát.

+ Đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu.

**- Tiêu chuẩn loại trừ:**

- + Người mắc các bệnh tâm thần, rối loạn trí nhớ, câm, điếc... ảnh hưởng đến giao tiếp.
- + Đến nhà 3 lần nhưng không gặp.

**2.2. Phương pháp nghiên cứu**

**- Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

**- Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng một tỷ lệ. Trong đó:  $p=0,618$ : nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo và cộng sự năm 2019 thì tỷ lệ người dân có kiến thức chung đúng về phòng ngừa bệnh dại là 61,8%. Với  $\alpha=0,05$  (độ tin cậy 95%) thì  $Z=1,96$ ;  $d=0,05$ ; cỡ mẫu thực tế thu được  $n=436$ .

**- Phương pháp chọn mẫu:**

Áp dụng phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn:

+ Bước 1: Trong quận Ô Môn có 7 phường, chọn ngẫu nhiên 4/7 phường bằng cách bốc thăm.

+ Bước 2: Chọn ngẫu nhiên 2 khu vực trong mỗi phường được chọn bằng cách bốc thăm.

+ Bước 3: Tại mỗi khu vực chọn 55 hộ gia đình có nuôi chó mèo. Chọn hộ gia đình đầu tiên theo danh sách các hộ. Các hộ được chọn theo quy luật nhà liền nhà. Tại mỗi hộ gia đình, chọn một đối tượng thỏa tiêu chí chọn mẫu để tiến hành khảo sát. Tiêu chí để chọn một đối tượng trong gia đình: độ tuổi từ 18-60 tuổi, không mắc các bệnh như tâm thần, câm điếc, rối loạn trí nhớ và ảnh hưởng các giao tiếp. Trường hợp đến nhà 3 lần nhưng không gặp, không lấy được mẫu thì thay thế bằng hộ bên cạnh.

**- Nội dung nghiên cứu:**

Bộ câu hỏi tự xây dựng dựa trên các nghiên cứu khác, tài liệu liên quan về phòng chống dại của BYT. Bộ câu hỏi đã được kiểm định tính giá trị với Cronbach's alpha là 0.607.

Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

+ Tuổi, giới tính, trình độ học vấn, dân tộc, nghề nghiệp của đối tượng, tình trạng hôn nhân, gia đình có đối tượng nhạy cảm là trẻ con hoặc người lớn, kinh tế gia đình: Hộ nghèo, cận nghèo; Hộ không nghèo, mục đích nuôi chó/mèo.

Kiến thức, thực hành phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo

Kiến thức phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo:

+ Bao gồm các biến số: Đã từng nghe về bệnh dại, mức độ nguy hiểm, tác nhân gây ra bệnh dại, nguồn lây của bệnh dại, đường lây truyền bệnh dại, đối tượng có thể mắc bệnh dại, triệu chứng điển hình của bệnh dại, biểu hiện của động vật mắc bệnh dại, khả năng điều trị bệnh dại, bệnh dại có thể gây tử vong, đã từng nghe về vaccine phòng bệnh dại, đối tượng dùng vaccine ngừa dại, thời điểm tiêm vaccine ngừa dại cho người, việc nên làm khi bị chó mèo cắn, nơi tiêm vaccine phòng bệnh dại cho chó, mèo, nơi tiêm vaccine phòng bệnh dại cho con người [4].

+ Đánh giá kiến thức chung đúng dựa trên 16 nội dung: Có 13 câu chọn nhiều đáp án đúng và 3 câu chọn một đáp án đúng. Mỗi kiến thức đúng được cộng 1 điểm. Đối với câu hỏi chọn nhiều câu đúng, người dân chọn  $\geq 50\%$  các câu đúng không chứa câu sai được cộng 1 điểm và có kiến thức đúng ở câu đó. Người dân có kiến thức chung đúng về phòng bệnh dại khi trả lời đúng  $\geq 12$  nội dung, tương đương với 75% số điểm. Người dân có kiến thức chung chưa đúng về phòng bệnh dại khi trả lời đúng  $\leq 11$  nội dung.

Thực hành phòng bệnh dại của người dân có nuôi chó mèo

+ Bao gồm các biến sau: Tiêm vaccine phòng dại cho chó/mèo: Đã tiêm, chưa tiêm. Cách xử trí ban đầu khi bị chó/mèo cào/cắn: Rửa ngay vết thương dưới vòi nước chảy mạnh

ít nhất 5 phút, nặn máu tại vết thương, băng kín vết thương, đắp các lá cây, lá thuốc, không biết. Đến ngay cơ sở y tế sau khi sơ cứu: Có, không. Theo dõi vật nuôi sau khi cắn: Có, không. Tiêm phòng sau khi phơi nhiễm: Có, không [4].

+ Đánh giá thực hành chung dựa vào 6 nội dung trên. Có hai giá trị: đúng và chưa đúng. Mỗi nội dung đúng được cộng 1 điểm. Người dân có thực hành chung đúng về phòng ngừa bệnh dại khi trả lời đúng  $\geq 5$  nội dung, tương đương với 83,3% số điểm.

Một số yếu tố liên quan kiến thức, thực hành với đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, kiến thức chung và thực hành chung

+ Mọi liên quan giữa đặc điểm chung với kiến thức, thực hành của đối tượng nghiên cứu.

+ Mọi liên quan giữa kiến thức chung với thực hành chung của người dân về phòng ngừa bệnh dại.

- **Phương pháp thu thập số liệu:** Thu thập dữ liệu dựa trên bộ câu hỏi xây dựng sẵn.

- **Phương pháp xử lý số liệu:** Dữ liệu được nhập và xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Kết quả nghiên cứu được mô tả bằng bảng tần suất và tỷ lệ phần trăm, biểu đồ; phân tích một số yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh dại bằng phép kiểm  $\chi^2$  (Chi square test) khoảng tin cậy 95%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ .

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

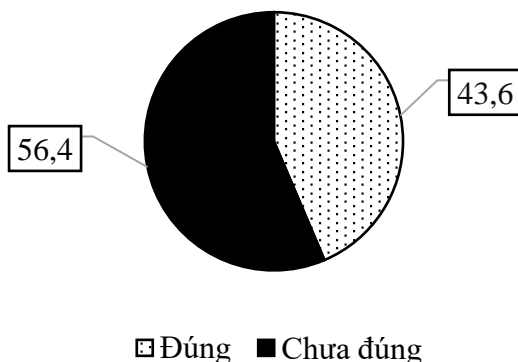
#### 3.1. Thông tin chung

Bảng 1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (n = 436)

	Nội dung	Tần số (n)	Ti lệ (%)
Tuổi	18 - 40	156	35,8
	41 - 60	280	64,2
Giới tính	Nam	238	54,6
	Nữ	152	45,4
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	60	13,8
	Đã kết hôn	371	85,1
	Ly hôn/Goá	5	1,1
Trình độ học vấn	Dưới THCS	220	50,4
	THCS, THPT	173	39,7
	Trên THPT	43	9,9
Nghề nghiệp	Lao động chân tay	83	87,4
	Lao động trí óc	55	12,6
Gia đình có người già	Có	198	45,4
	Không	238	54,6
Gia đình có trẻ em	Có	238	54,6
	Không	198	45,4
Mục đích nuôi chó mèo	Giữ nhà	386	88,5
	Thú cưng/bán	50	11,5
Kinh tế gia đình	Hộ cận nghèo, cận nghèo	5	1,1
	Hộ không nghèo	431	98,9

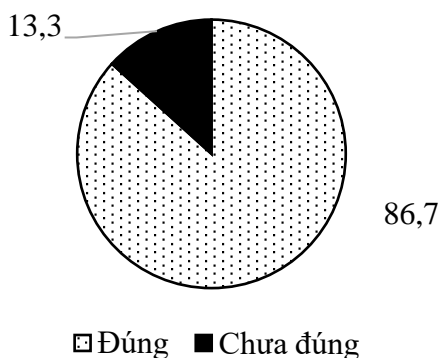
Nhận xét: Tỷ lệ giới tính nam nữ lần lượt là 54,6%, 45,5%; nhóm tuổi 41-60 chiếm 64,2%. Trình độ học vấn cao nhất là dưới THCS (50,4%), THCS, THPT (39,7%), trên THPT (9,9%). Phần lớn đối tượng nghiên cứu có nghề nghiệp thuộc nhóm lao động chân tay 87,4% và hầu hết có kinh tế không nghèo.

**3.2. Kiến thức, thực hành phòng bệnh dại ở người dân có nuôi chó mèo**



Biểu đồ 1. Kiến thức đúng về phòng bệnh dại ở đối tượng nghiên cứu (n=436)

Nhận xét: Tỷ lệ người có kiến thức đúng phòng bệnh dại chiếm 43,6% trong khi đó tỉ lệ kiến thức chưa đúng lại chiếm tỉ lệ cao hơn (56,4%).



Biểu đồ 2. Thực hành đúng về phòng bệnh dại ở đối tượng nghiên cứu (n=436)

Nhận xét: Tỷ lệ người dân thực hành đúng phòng bệnh dại chiếm 86,7% và 13,3% người có thái độ chưa đúng về thực hành phòng dại.

**3.3. Các yếu tố liên quan đến kiến thức, thực hành phòng bệnh dại**

Bảng 2. Một số yếu tố liên quan đến kiến thức (n = 436)

Đặc điểm		Kiến thức				OR (KTC 95%)	p
		Đúng		Chưa đúng			
		n	%	n	%		
Tuổi	18 – 40	90	57,7	66	42,3	2,45 (1,64 - 3,65)	<0,001
	41 – 60	100	35,7	180	64,3		
Giới tính	Nam	107	45	131	55	0,88 (0,60 - 1,29)	0,524
	Nữ	83	41,9	115	58,1		
Trình độ học vấn	Dưới THPT	99	32,6	205	57,4	4,59 (2,96 - 7,13)	<0,001
	Trên THPT	91	68,9	41	31,1		

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 70/2024

Đặc điểm		Kiến thức				OR (KTC 95%)	p
		Đúng		Chưa đúng			
		n	%	n	%		
Nghề nghiệp	Lao động tay chân	149	39,1	232	60,9	4,56 (2,40 - 8,65)	<0,001
	Lao động trí óc	41	74,5	14	25,5		
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	38	63,3	22	36,7	0,39 (0,22 - 0,69)	0,001
	Đã kết hôn	152	40,4	224	59,6		
Mục đích nuôi	Giữ nhà	162	42	224	58	1,76 (0,97 - 3,18)	0,06
	Thú cưng/bán	28	56	22	44		
Gia đình có người già	Có	89	44,9	109	55,1	0,90 (0,61 - 1,32)	0,598
	Không	101	42,4	137	57,6		
Gia đình có trẻ em	Có	99	41,6	139	58,4	1,19 (0,81 - 1,74)	0,360
	Không	91	46	107	54		
Kinh tế gia đình	Hộ nghèo, cận nghèo	0	0	5	100	1,78 (1,64 - 1,94)	0,48
	Hộ không nghèo	190	44,1	241	55,9		

Nhận xét: Sự khác biệt tỷ lệ kiến thức đúng về phòng bệnh đại có ý nghĩa thống kê với khoảng tin cậy 95% ở các yếu tố: Nhóm tuổi (OR= 2,45; p<0,001); Trình độ học vấn (OR= 4,59, p< 0,001); Nghề nghiệp (OR= 4,56; p<0,001); Tình trạng hôn nhân (OR=0,39, p=0,001). Chưa nhận thấy sự khác biệt ở các yếu tố: Giới tính; Gia đình có người già; Gia đình có trẻ em; Kinh tế gia đình; Mục đích nuôi với p >0,05.

Bảng 3. Một số yếu tố liên quan đến thực hành (n =436)

Đặc điểm		Thực hành				OR (KTC 95%)	p
		Đúng		Chưa đúng			
		n	%	n	%		
Tuổi	18 - 40	144	92,3	12	7,7	2,35 (1,20- 4,60)	0,01
	41 - 60	234	83,6	46	16,4		
Giới tính	Nam	210	88,2	28	11,8	0,74 (0,42- 1,29)	0,30
	Nữ	168	84,8	30	15,2		
Tình trạng hôn nhân	Chưa kết hôn	54	90	6	10	0,69 (0,28- 1,69)	0,41
	Đã kết hôn	324	86,2	52	13,8		
Trình độ học vấn	Dưới THPT	252	82,9	52	17,1	4,33 (1,81- 10,3)	<0,001
	Trên THPT	126	95,5	6	4,5		
Nghề nghiệp	Lao động tay chân	324	85	57	15	9,5 (1,28-70,05)	0,009
	Lao động trí óc	54	98,2	1	1,8		
Gia đình có người già	Có	165	83,3	33	16,7	1,70 (0,97- 2,97)	0,59
	Không	213	89,5	25	10,5		
Gia đình có trẻ em	Có	204	85,7	34	14,3	1,20 (0,69- 2,11)	0,508
	Không	174	87,9	24	12,1		
Kinh tế gia đình	Hộ nghèo, cận nghèo	3	60	2	40	4,46 (0,73-27,3)	0,07
	Hộ không nghèo	375	87	56	13		
Mục đích nuôi	Giữ nhà	334	86,5	52	13,5	1,14 (0,46- 2,81)	0,773
	Thú cưng/bán	44	88	6	12		
Kiến thức phòng bệnh đại	Đúng	185	97,4	5	2,6	10,1 (3,97-25,9)	<0,001
	Chưa đúng	193	78,5	53	21,5		

Nhận xét: Kết quả cho thấy có mối liên quan có ý nghĩa thống kê giữa thực hành với nhóm tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, kiến thức phòng bệnh dại với  $p < 0,05$ . Chưa ghi nhận thật sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thực hành với các yếu tố giới tính, hôn nhân, gia đình có người già, có trẻ nhỏ và mục đích nuôi chó mèo ( $p > 0,05$ ).

## IV. BÀN LUẬN

### 4.1. Kiến thức phòng dại

Trong các đối tượng được phỏng vấn, tỷ lệ đối tượng có kiến thức chung đúng về bệnh dại và phòng bệnh dại là 56,4%, trong đó kiến thức về bệnh dại thì đa số các đối tượng đã được nghe về bệnh dại chiếm 90,1%. Trong đó tỷ lệ đối tượng biết được nguồn lây và đường lây đúng của bệnh dại lần lượt là 89,1%, 88,3%. Đa số đối tượng 85,5% biết bệnh dại vô cùng nguy hiểm và có thể dẫn đến tử vong, 91,1% biết được các đối tượng có thể mắc bệnh dại. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế về kiến thức của các đối tượng về bệnh dại, trong đó tỷ lệ biết đúng về tác nhân gây bệnh dại chỉ đạt 14,8%, nhận biết biểu hiện của động vật mắc dại, triệu chứng của người mắc dại chỉ lần lượt là 39,2%, 33,84%. Vấn đề này có thể do kiến thức về bệnh dại khá cao trong khi trình độ học vấn của các đối tượng ở mức trung bình, đối tượng lại hiếm khi chủ động tìm hiểu nhiều về bệnh dại vì tâm lý chủ quan gia đình chưa ai mắc bệnh dại, tỷ lệ lưu hành bệnh dại ở miền Nam cũng thấp hơn so với miền Bắc và một phần cũng do công tác tuyên truyền về bệnh dại chưa rầm rộ chưa được quan tâm đúng mức. Nghiên cứu của tôi cho thấy 56,4% số người có kiến thức về phòng bệnh dại. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu Nguyễn Thị Thanh Thảo, số người có kiến thức đúng về bệnh dại chiếm 61,8% [4]; nghiên cứu của Võ Quốc Huy là 65,5% [5] và Dương Minh Tuấn lần lượt là 64% [6].

Về kiến thức về phòng bệnh dại, 79,1% đối tượng từng nghe về vaccine phòng bệnh dại, 98,8% biết được những đối tượng cần tiêm vaccine phòng bệnh dại, 88,1% đối tượng biết cách xử lý vết thương đúng, và cần làm gì tiếp theo sau khi bị chó mèo cắn. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo là 93,1% [4], nhưng cao hơn nghiên cứu của Võ Quốc Huy là 85,4% [5]. Các đối tượng biết thời gian tiêm vaccine đúng để được hiệu quả cao chiếm 67,2%. Tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Dương Minh Tuấn là 96,8% [6]. Có 72,8% số người biết được địa điểm tiêm phòng cho chó mèo, nhưng chỉ 27,2% biết được địa điểm tiêm phòng cho người, tỷ lệ này thấp hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo là 70% [4] và nghiên cứu của Dương Minh Tuấn là 49% [6], sự chênh lệch này có thể do tâm lý chủ quan vì chưa từng chứng kiến các ca mắc bệnh dại tại gia đình hoặc địa phương. Và tâm lý khi nào bị cắn thì mới bắt đầu tìm cách xử trí nên các đối tượng thiếu sự tìm hiểu kỹ về vấn đề tiêm phòng cho người mặc dù vẫn biết là có vaccine phòng dại cho người.

### 4.2. Thực hành phòng dại

Có 57,3% hộ đã chủ động tiêm vaccine phòng dại cho chó mèo. Tương tự như nghiên cứu của Hoàng Thị Thuận có 51,7% hộ tiêm vaccine phòng dại cho chó mèo [7]. Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Abirami Srinivasan là 92% [8] và Aboyowa Arayuwu Edukugho là 94% [9], sự khác biệt này là do khác nhau về đối tượng nghiên cứu, địa điểm và thời gian nghiên cứu. Xử trí vết thương ban đầu chiếm tỷ lệ cao nhất là rửa vết thương dưới vòi nước ít nhất 5 phút chiếm 63,3%. Kế tiếp là không biết chiếm 18,1%; Nặn máu chiếm 12,4%; Đắp lá cây, cây thuốc chiếm 3%; Băng kín vết thương chiếm 0,9% và cách làm khác chiếm 2,2%. Cách xử trí đúng là rửa vết thương bằng nước sạch, tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo có 51,1% đối tượng xối rửa vết thương

[4] và nghiên cứu của Aboyowa Arayuwa Edukugho là 36,7% đối tượng xử trí ban đầu đúng [9], thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn Minh Sơn có 90,3% đối tượng xử trí ban đầu đúng [10]. Sự khác biệt này là do khác nhau về đối tượng nghiên cứu, địa điểm và thời gian nghiên cứu. Đa phần mọi người đều đi đến cơ sở y tế sau sơ cứu vết thương chiếm 92,9%. Kết quả này tương tự nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn Minh Sơn đa phần các đối tượng đều đến cơ sở y tế sau sơ cứu chiếm 82,3% [10], cũng tương tự với nghiên cứu của Aboyowa Arayuwa Edukugho là 87% [9]. Nhốt và theo dõi chó mèo sau khi bị chó mèo cắn chiếm tỷ lệ 75,9%. Tỷ lệ này thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn Minh Sơn có 91,4% [10] và cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Thảo có 33,3% hộ theo dõi con vật sau khi cắn [4]. Sự khác biệt này là do khác nhau về đối tượng nghiên cứu, địa điểm và thời gian nghiên cứu. Tiêm phòng sau phơi nhiễm là việc quan trọng để phòng bệnh dại và giảm tỷ lệ tử vong, kết quả cho thấy đa số đối tượng đều tiêm vaccine phòng dại sau khi bị chó mèo cắn chiếm 95,2%. Tương tự như kết quả của Nguyễn Thị Thanh Thảo có 91,1% [4] và cao hơn Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn Minh Sơn có tỷ lệ tiêm phòng sau phơi nhiễm là 78,2% [10].

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ thực hành chung đúng về phòng bệnh dại đạt khá cao là 86,7%. Cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thị Thắng và Nguyễn Minh Sơn là 70,2% [10], Hoàng Thị Thuận là 54,9% [7] và Nguyễn Thị Thanh Thảo là 15,9% [4]. Tuy tỷ lệ thực hành chung đúng đạt khá cao nhưng bên cạnh đó vẫn còn những hộ gia đình thực hiện chưa đúng do thiếu hiểu biết về cách phòng bệnh dại, do đó việc tuyên truyền phòng chống bệnh dại vẫn rất cần thiết để nâng cao nhận thức người dân phòng chống căn bệnh nguy hiểm này.

## V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang trên 436 đối tượng ở độ tuổi từ 18 – 60 tuổi, điều tra tại quận Ô Môn thành Phố Cần Thơ ghi nhận các kết quả sau: kiến thức đúng phòng bệnh dại đạt 56,4%, thực hành đúng về phòng bệnh dại đạt 86,7%.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. World Health Organization. Rabies. 2023. <https://www.who.int/news-room/fact-sheets/detail/rabies>.
2. Y Cần Thơ. Dịch tễ học 2. Nhà xuất bản y học. 2020.
3. Bộ Y tế. Công văn số 5396/BYT – DP Tăng cường công tác phòng chống dại, Hà Nội. 2022. <https://thuvienphapluat.vn/cong-van/Linh-vuc-khac/Cong-van-5396-BYT-DP-2022-tang-cuong-cong-tac-phong-chong-dai-531107.aspx>.
4. Nguyễn Thị Thanh Thảo và cộng sự. Nghiên cứu kiến thức, thực hành về phòng chống bệnh dại và một số yếu tố liên quan của người nuôi chó mèo tại huyện Phong Điền thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Y dược Cần Thơ*. 2021. số 35, ISSN.2345-1210.
5. Võ Quốc Huy. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bệnh dại của người dân ở xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ năm 2016. Luận văn tốt nghiệp Bác sĩ Y học dự phòng. Trường Đại học Y dược Cần Thơ. 2017. 33.
6. Dương Minh Tuấn. Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống bệnh dại của người dân tại xã Trường Long, huyện Phong Điền, TP Cần Thơ năm 2014, Luận văn tốt nghiệp Cử nhân Y tế công cộng. Trường Đại học Y dược Cần Thơ. 2015. 34.
7. Hoàng Thị Thuận và các cộng sự. Kiến thức và thực hành về phòng chống bệnh dại của người dân tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. *Tạp chí y học dự phòng*. 2022. 32(1), 130-138, doi: <https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/541>.



8. Abirami Srinivasan et al. Knowledge, Attitude and Behaviour towards Rabies Prevention and Control – A Cross Sectional Study in Anakaputhur, an Urban Area of Kanchipuram District, Tamil Nadu. *National Journal of community medicine*. 2021. 12(7), 175-179, doi:https://doi.org/10.5455/njcm.20210529053500.
9. Aboyowa Arayuwu Edukugho et al. Knowledge, attitudes, and practices towards rabies prevention among residents of Abuja municipal area council, Federal Capital Territory, Nigeria. *Pan African medical*. 2018. 31(1), EISSN:1937-8688, doi: 10.11604/pamj.2018.31.21.15120.
10. Nguyễn Minh Sơn và Nguyễn Thị Thắng. Thực trạng về kiến thức, thái độ, thực hành về phòng chống bệnh dại của người dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. *Tạp chí nghiên cứu y học*. 2020. 128(4), 189-197, doi: https://doi.org/10.52852/tcncyh.v128i4.1564.

## NGHIÊN CỨU ĐẶC ĐIỂM NIỆU DÒNG ĐỒ VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ SỚM BỆNH NHÂN TĂNG SINH LÀNH TÍNH TUYẾN TIỀN LIỆT BẰNG THUỐC TAMSULOSIN TẠI BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

*Quách Võ Tấn Phát\**, *Trần Huỳnh Tuấn*, *Nguyễn Trung Hiếu*,  
*Lê Quang Trung*, *Lê Thanh Bình*

*Trường Đại học Y Dược Cần Thơ*

*\*Email: qvtphat@ctump.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 27/11/2023*

*Ngày phản biện: 08/01/2024*

*Ngày duyệt đăng: 25/01/2024*

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt là bệnh lí phổ biến ở nam giới lớn tuổi và có thể gây ảnh hưởng nhiều đến chất lượng cuộc sống của người bệnh nên vấn đề chẩn đoán và điều trị sớm được quan tâm rất nhiều, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đặc điểm niệu dòng đồ và đánh giá kết quả điều trị sớm bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng thuốc Tamsulosin tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Mục tiêu nghiên cứu:** Nghiên cứu đặc điểm niệu dòng đồ và đánh giá kết quả điều trị sớm bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng thuốc Tamsulosin tại Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang 67 bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt, điều trị bằng thuốc Tamsulosin từ 01/01/2023 Đến tháng 31/08/2023 tại phòng khám Niệu bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. **Kết quả:** tuổi trung bình  $77,43 \pm 10,31$  tuổi, lý do vào viện thường gặp là tiểu khó chiếm 37,31%, trước điều trị điểm IPSS trung bình là  $19,63 \pm 6,895$ , điểm QoL trung bình là  $4,73 \pm 0,975$ , Qmax trung bình là  $7,8 \pm 1,26$  ml/s, trọng lượng u phì đại trung bình là  $47,95 \pm 19,281$  gram, nồng độ PSA trung bình là  $10,441 \pm 6,9996$  ng/ml. Kết quả điều trị: sau khi sử dụng thuốc 4 tuần điểm IPSS trung bình là  $10,95 \pm 5,696$ , chênh lệch 8,68 điểm, điểm QoL trung bình là  $2,83 \pm 1,046$ , chênh lệch 1,90 điểm, Qmax trung bình là  $17,52 \pm 1,79$  ml/s, tác dụng phụ có 4,48% chóng mặt, 2,99% đau đầu, 4,48% hạ huyết áp tư thế, 1,49% khó chịu. **Kết luận:** Điều trị sớm tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt bằng Tamsulosin đạt kết quả điều trị cao, triệu chứng lâm sàng, chất lượng cuộc sống cải thiện tốt.

**Từ khóa:** Tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt, niệu dòng đồ, Tamsulosin